

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC: KINH TẾ HỌC VỀ NVDXH

Tham nhũng

CÂU 1, Phân tích những nguyên nhân trực tiếp làm gia tăng tham nhũng ở các nước đang phát triển

- Các quy định và sự cấp phép không rõ ràng: Các cá nhân dễ dàng để trục lợi, việc cấp phép trao đặc quyền cho một số cá nhân (tạo kẽ hở)

- Hệ thống thuế thiếu minh bạch: → việc tham nhũng trở nên dễ dàng hơn và mọi người cảm thấy việc trốn thuế, tránh thuế là chuyện bình thường

Ví dụ: Người A kinh doanh một mặt hàng thay vì anh ta phải đóng 5 triệu tiền thuế thì bằng thỏa thuận với cán bộ thu thuế họ có thể chỉ cần đóng 4 triệu (trong đó 3 triệu cho NSNN và 1 triệu cho tham nhũng)

- Các quy định về chi tiêu không chặt chẽ và chồng chéo: → Dễ dàng kê không chi tiêu trong các dự án công để bòn rút, trục lợi

- Nhà nước cung ứng HH, dịch vụ ở mức thấp hơn giá thị trường. Điều này khiến cho những người thực hiện cung ứng HH, dịch vụ đó không đc trả đúng năng lực → tham nhũng. VD Trong bệnh viện một elip mổ của một bác sĩ chỉ đc trả khoảng 200k, trong khi ở ngoài thị trường, trong cơ sở tư nhân, cùng ca mổ đó là 5 triệu. → sự chênh lệch này chỉ có thể đc bù đắp thông qua quà cáp cảm ơn, phong bì, tham nhũng

- Các quy định sử dụng đất, khai thác khoáng sản, tư nhân hóa, bán tài sản công, độc quyền khai thác và xuất nhập khẩu thiếu minh bạchđem lại lợi ích cho một số người, dễ dẫn đến tham nhũng lớn.

CÂU 2. Hãy phân tích những nguyên nhân gián tiếp làm gia tăng tham nhũng ở các nước đang phát triển

- Chất lượng bộ máy công chức, bộ máy công kênh, quan liêu nặng nề: Công chức chưa biết lắng nghe, thiếu kiến thức, kỹ năng giải quyết công việc, thiếu nhẫn nại và thái độ chưa thân thiết với dân, xử lý công việc còn chậm và thiếu linh hoạt → bôi trơn cơ chế để hoàn thành thủ tục nhanh hơn → tham nhũng

- Mức lương ở khu vực công quá thấp → tham nhũng vặt. Do bộ máy quá công kênh, ngân sách có hạn nên mức lương công chức thấp, không đảm bảo cs của bản thân cũng như gia đình nên họ phải tìm cách thức để kiếm thêm thu nhập → động

cơ sử dụng kẽ hở của luật pháp và quyền lực công để tham nhũng. (Về đồ thị tham nhũng và lương)

- Các hình thức xử phạt tham nhũng : Xử lý những hành vi tham nhũng chưa kịp thời, chưa thường xuyên, chưa nghiêm. Chúng ta chưa có cơ chế hữu hiệu để bảo vệ những người phát hiện và dám tố cáo tham nhũng
- Kiểm soát thể chế: Có rất nhiều bất hợp lý trong quy định về kiểm soát quyền lực nhà nước dẫn đến hiệu quả chống tham nhũng còn hạn chế, có những vấn đề quy định không phù hợp với quy luật thực tế vận hành quyền lực và thông lệ quốc tế.
- Tính minh bạch của luật, quy định, quy trình chính sách: Là đk tốt cho tham nhũng phát triển , nhiều cơ chế chính sách còn mang tính ban phát nên chưa loại bỏ cơ chế xin cho, tạo kẽ hở cho tham nhũng. Nhiều chính sách còn đc ban hành nhằm phục vụ cho nhóm lợi ích , không phải cho nhân dân
- Thiếu sự cạnh tranh chính trị: Với những nc đang phát triển theo hình thức XHCN chỉ có một Đảng cầm quyền , chính vì vậy không có sự cạnh tranh ở ngoài Đảng mà chỉ có sự cạnh tranh ở trong Đảng . Những sự cạnh tranh trong Đảng cũng không đc rõ nét vì hầu như những vị trí lãnh đạo đều đc chỉ định trước, giữa những người trong quốc hội, chính phủ . Phải có cạnh tranh thì mới có sự phát triển , là nguyên lý tất yếu; những cái mới cái tiến bộ mới đc nghiên cứu và ứng dụng, tránh chủ quan dung ý chí.. (Phân tích ví dụ: Cho thế hệ trẻ đi học những tri thức phát triển ở các nước khác nhưng khi trở về nước lại ủng hộ, đi theo con đường cũ, làm tham nhũng càng trở nên trầm trọng hơn

CÂU 3. Hãy phân tích tác động của tham nhũng tới các vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội ở các nước đang phát triển

- ❖ Tham nhũng làm rối loạn thị trường và sự phân bổ nguồn lực=> tăng trưởng và PTKT
- Giảm khả năng của CP trong việc kiểm tra và kiểm soát các quy định pháp lý để khắc phục khuyết tật của thị trường.
- Gia tăng chi phí, đảo lộn các động cơ khuyến khích
- Tham nhũng giống như một loại thuế mang tính tùy tiện, độc đoán

- Giảm hoặc đảo lộn vai trò cơ bản của chính phủ (thực thi hợp đồng, bảo vệ quyền sở hữu).

- Giảm tính hợp pháp của nền kinh tế thị trường và tính dân chủ

- Có thể làm gia tăng nghèo và bất bình đẳng

=> Do vậy, tham nhũng có thể làm giảm tăng trưởng và phát triển kinh tế

❖ Sự bất ổn định chính trị

Mất niềm tin của dân chúng

Mất niềm tin của cộng đồng quốc tế

=> Suy giảm khả năng thực thi luật pháp, chính sách

* Tham nhũng ảnh hưởng đến xã hội

- Tham nhũng xâm phạm, thậm chí làm thay đổi, đảo lộn những chuẩn mực đạo đức xã hội, tha hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước.

- Tham nhũng không chỉ phát sinh ở lĩnh vực kinh tế, tài chính ngân hàng, đầu tư, xây dựng, đất đai... Mà có xu hướng lan sang các lĩnh vực khác như: văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao, tham chí cả những lĩnh vực như phúc lợi xã hội hay bảo vệ pháp luật. Hành vi tham nhũng xảy ra không ít trong các chương trình trợ cấp cho thương binh, liệt sĩ, gia đình chính sách, , tham nhũng tiền, hàng hóa cứu trợ xã hội... Tham nhung thậm chí còn xảy ra trong các cơ quan bảo vệ pháp luật

CÂU 4. Hãy phân tích các nhóm giải pháp chính để chống tham nhũng ở các nước đang phát triển

❖ Tiếp cận dưới góc độ kinh doanh ,khuyến khích (lương, thưởng, tinh thần)

- Cấp lãnh đạo tuyệt đối thanh liêm trong sạch. Tịch thu tài sản do tham nhũng mà có, làm cho tham nhũng mất động lực.
- Từng bước thực hiện chế độ tiền lương theo hướng bảo đảm cho cán bộ, công chức, viên chức có nguồn thu nhập chủ yếu bằng lương, sống bằng lương và có mức sống khá trong xã hội.
- Việc tăng lương cho công chức, cán bộ không hề đơn giản: Nếu chỉ tăng lương cho những ngành có cơ hội tham nhũng thì bất công cho những ngành không có cơ hội tham nhũng. Tăng lương khiến họ không muốn kiếm chác thêm thì lại có nhiều người muốn chạy chọt vào chỗ đó
- ❖ Tiếp cận dưới góc độ Luật pháp, quy định:
 - Hoàn thiện thể chế về quản lý kinh tế - xã hội, thể chế công khai minh bạch. Sửa đổi, bổ sung luật liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản, quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thu, chi ngân sách; việc chi tiêu công,
 - Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế, chính sách về công tác tổ chức, cán bộ để phòng chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ, nhất là trong các khâu tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật...
 - Đẩy nhanh tiến độ xử lý các vụ việc tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng. Tập trung kiểm tra, thanh tra đối với một số lĩnh vực trọng điểm
 - Làm đơn giản, hợp lý hóa, lấp những lỗ hổng trong luật thuế, công khai mức thuế.
- ❖ Tiếp cận dưới góc độ kinh tế học
 - Giảm động lực của tham nhũng (động lực kt)
 - giảm mức cơ hội của việc tham nhũng
 - Giảm mức lợi của việc tham nhũng

CÂU 5. Phân tích thực trạng, nguyên nhân, tác động của tham nhũng ở VN? Vì sao các giải pháp chống tham nhũng lại kém hiệu quả ở VN?

GDDH

CÂU 1. Phân tích và chỉ ra các loại lợi ích khi sử dụng dịch vụ giáo dục đại học

+ Đầu tư vào vốn nhân lực:

Lợi ích cá nhân: Cá nhân nâng cao nhận thức của mình

Lợi ích xã hội: Các cá nhân tuân thủ các quy tắc xã hội, chấp hành luật lệ, bảo vệ môi trường....

+ Lợi ích trực tiếp của sinh viên

Lợi ích cá nhân: nâng cao tay nghề, các kĩ năng cần thiết để làm việc qua đó gia tăng thu nhập kì vọng. Ngoài ra còn có thêm các lợi ích đi kèm như được sống trong một môi trường làm việc tốt, chuyên nghiệp; tiếp xúc và làm quen với những người tài giỏi ...

+ Lợi ích xã hội: Xã hội có thêm người lao động có tay nghề.

+ Lợi ích toàn xã hội: Những người có học thức cao có thể chia sẻ những kinh nghiệm học được trong quá trình sống, họ đóng góp cho xã hội thông qua những hành động văn hóa,....

cuuduongthancong.com

CÂU 2. Phân tích cơ sở để sinh viên phải chi trả cho dịch vụ GDDH

- Bởi vì sinh viên được hưởng lợi trực tiếp từ dịch vụ GDDH, nên phải trả tiền

→ Đảm bảo sự công bằng so với người không đi học, người nghèo không có điều kiện đi học. Vì mọi người dân đều phải đóng thuế, thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, ngân sách nhà nước lại được đầu tư cho GDDH, mà không phải tất cả mọi người đều sử dụng dịch vụ GDDH (hưởng lợi trực tiếp hay gián tiếp từ dịch vụ GDDH). Nếu GDDH miễn phí đối với người học thì mọi tiền chi trả về cơ sở vật chất, lương thưởng,... đều do ngân sách nhà nước chi trả đồng nghĩa với một tỉ lệ người nộp thuế bị ép buộc phải trả một phần chi phí giáo dục cho những người không phải gia đình, con em họ. Và nhiều người trong số đó là người nghèo từ đó nhà nước đánh thuế một phần gia đình nghèo không có con em đi học để giúp trả tiền cho gia đình trung lưu là không hợp lí.

- Trả tiền cho sử dụng dịch vụ GDDH sẽ đảm bảo công bằng trong lĩnh vực đầu tư. Giả sử 1 người chọn kinh doanh thay vì học đại học, nếu họ phải đóng 1 phần thuế khi không theo học nữa là không công bằng

- Nguồn lực kinh tế phải đc sử dụng hiệu quả, Thứ nhất vì nó là nguồn lực có hạn. Thứ hai nếu sinh viên không đóng tiền, giáo dục miễn phí thì sẽ dẫn đến lạm dụng, xu hướng lãng phí, dịch vụ GDDH sẽ không tạo ra được hiệu quả tối đa mong muốn. Sinh viên không có động lực tiết kiệm, không tận dụng tốt các nguồn lực. Khi phải trả chi phí thì SV và gia đình sẽ cân trọng, tận dụng hơn cho việc học

* Phân tích những quy tắc xác định mức chi trả của sinh viên cho dịch vụ GDDH:

Lợi ích = chi phí cá nhân. Trên thực tế việc đo được lợi ích, chi phí là rất khó. Lợi ích ở đây gồm lợi ích trực tiếp mang lại cho cá nhân: tri thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, quan hệ, cơ hội,... ; còn có lợi ích tới gia đình cá nhân, bạn bè, các nhân được tôn trọng, lợi ích về tương lai sau này. Chi phí ở đây là chi phí hiện vật như tiền,

CÂU 3. Xác định cơ sở để nhà nước đầu tư, hỗ trợ cho GDDH. Mức đầu tư, hỗ trợ cho dịch vụ GDDH của nhà nước được xác định theo nguyên tắc nào?

Cơ sở để nhà nước đầu tư vào giáo dục đại học:

+ Lợi ích xã hội kèm theo: Nhà nước chi trả để đảm bảo lợi ích xã hội: vai trò của nhà nước là thu thuế người được hưởng dịch vụ miễn phí để trợ cấp cho những người đi học. VD: việc một người có học hành tử tế thì dù họ có chia sẻ kiến thức đó hay không thì những hành động tích cực của họ cũng góp phần cho đất nước tốt lên như đi đúng luật, hành vi có văn hóa, bảo vệ môi trường... Tuy nhiên, ở đây nguyên tắc hỗ trợ ko phải là các trường công = các trường tư mà phải trợ cấp trên cơ sở: Ngành nghề nào đóng góp nhiều cho xã hội thì trợ cấp nhiều VD các ngành nghề về chính trị.... Ngành nào ít đóng góp thì trợ cấp ít thậm chí ko VD: tài chính ngân hàng,

+ Giúp sinh viên nghèo có năng lực được đi học: Học phí cao hạn chế sinh viên nghèo đi học, chi phí vô hình cản trở sinh viên nghèo đi học đại học. Việc đóng thuế để phục vụ cho những người đi học không phải tất cả đều là những gia đình trung lưu và giàu có mà họ còn là những hộ gia đình nghèo không có con đi học. Chính điều này, chính phủ cần can thiệp để đảm bảo công bằng xã hội thông qua hỗ trợ giáo dục đại học cho SV nghèo. Nguyên tắc hỗ trợ phải hỗ trợ trực tiếp tới tay sinh viên

+ Nguyên tắc chung :Nếu giá trị đối với XH về 1 đơn vị GD –DH > chi phí của nó,

các nguồn lực sử dụng để tạo ra nó có giá trị cung cấp GD DH > lĩnh vực khác => mở rộng đầu tư GD-DH* Nguyên tắc:

Câu 4. Việc nhà nước đầu tư, hỗ trợ cho dịch vụ GDDH quá mức cần thiết sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực gì? Phân tích những nguyên tắc nhằm đảm bảo tính hiệu quả, công bằng khi nhà nước đầu tư hỗ trợ cho dịch vụ GDDH.

* Ảnh hưởng tiêu cực:

- Không công bằng. Tiền đầu tư hỗ trợ này là từ ngân sách nhà nước nên nếu quá mức sẽ tạo ra sự mất công bằng giữa người đi học và người không đi học (Vì mọi người dân đều phải đóng thuế, thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, ngân sách nhà nước lại được đầu tư cho GDDH, mà không phải tất cả mọi người đều sử dụng dịch vụ GDDH); không công bằng giữa người giàu và người nghèo cần được hỗ trợ giáo dục. Mà trong chính sách đầu tư cho GDDH không phân biệt đc người giàu và người nghèo.

- Không hiệu quả. Đầu tư hiệu quả là chi phí phải bằng lợi ích (ý trên). Nếu đầu tư cho GDDH sẽ bớt tiền và nguồn lực đầu tư cho những lĩnh vực khác. Đầu tư quá mức dẫn tới phân bổ nguồn lực không hiệu quả

- Gây lãng phí: Có đợt nước ta ồ ạt mở ra các trường đại học, cao đẳng, → sinh viên không đủ, lớp trống, trường trống, giáo viên thất nghiệp. Trong khi rất nhiều lĩnh vực khác cần tiền → gây ra một sự lãng phí rất lớn. Đó là còn không kể tới những hậu quả tương lai như: thất nghiệp cao (người có trình độ lấy việc của người không có trình độ, trình độ học vấn của người thất nghiệp tăng khi cử nhân thất nghiệp tăng số lượng quá lớn, với cơ cấu không hợp lý).

* Nguyên tắc:

- Lợi ích= chi phí xã hội.

Nếu lợi ích > chi phí thì nhà nước cần mở rộng đầu tư

Nếu lợi ích < chi phí , tức là đầu tư quá mức thì nhà nước cần thu hẹp, hạn chế, điều chỉnh lại chính sách đầu tư, hỗ trợ cho hợp lý

Xét về thực tế, đo đc chi phí và lợi ích là việc rất khó. Ngoài những lợi ích đo đếm đc, còn có những lợi ích vô hình như: giảm tội phạm, giảm vi phạm giao thông, nâng cao mặt bằng dân trí, Ngoài chi phí hiện vật, đo đếm đc là tiền bạc,

sức lao động, trí óc, thời gian còn có những chi phí khác như chi phí cơ hội đầu tư cho lĩnh vực khác.

- Đầu tư đúng: Phải xác định rõ, chính xác đối tượng và mục tiêu mà nhà nước muốn đầu tư. Ví dụ: Muốn đầu tư cho các sinh viên nghèo thì nhà nước đầu tư trực tiếp cho các sinh viên này mà không cần thông qua các trường đại học, tránh trường hợp sinh viên không phải hộ nghèo, có hoàn cảnh mà vẫn được nhận hỗ trợ với mục đích không đúng. Mục tiêu đầu tư nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước thì phải tập trung vào chất lượng giảng dạy, những ngành nghề đang cần thiết, phù hợp với nhu cầu nhà tuyển dụng, nhu cầu xã hội, thị trường.

- Đầu tư đủ: Đầu tư ở đúng mức cần thiết để tránh trường hợp các trường đại học, cao đẳng, sinh viên phụ thuộc vào nguồn đầu tư của nhà nước. Thiếu thì phải thêm, thừa thì phải bớt. Thừa sẽ gây thất thoát và tạo điều kiện cho tham nhũng. Đầu tư đủ để đảm bảo cho động lực phát triển.

- Đầu tư phù hợp: Đầu tư phù hợp, đảm bảo hiệu quả, công bằng với các lĩnh vực khác, phân bổ nguồn vốn hợp lý giữa các ngành trong xã hội. Ví dụ như với tiềm năng và nhu cầu của đất nước hiện tại nên phân bổ hợp lý, tập trung đầu tư vào những ngành như giáo dục, CNTT, CNTP, năng lượng sạch, y tế

Y TẾ

Câu 1, Phân tích những đặc điểm của cầu với dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Những đặc điểm đó ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả vận hành thị trường dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Cho ví dụ.

+ Tính co giãn của cầu với dịch vụ y tế cụ thể là khác nhau.

VD: độ co giãn của cầu với các dịch vụ chữa trị bệnh, đặc biệt là các bệnh gãy chân gãy tay hoặc nguy hiểm tới tính mạng bằng 0; còn độ co giãn cầu đối với các dịch vụ y tế khác có độ co giãn cao hơn chẳng hạn như: thẩm mỹ viện, răng hàm mặt, ...

+ Nhìn chung: cầu trong ngành y tế ít co giãn đối với giá. Người tiêu dùng khó có lựa chọn hợp lý với ý thích của họ về giá, tổng cầu cá nhân không tạo ra tổng cầu mong muốn.

+ Các bệnh viện, người tiêu dùng cung cấp dịch vụ YT có nhiều động cơ để nâng giá.

+ Nhu cầu về yt ảnh hưởng trực tiếp về mặt sức khỏe, khả năng và sự sẵn sàng chi trả. Bởi lẽ, không ai dám đùa giỡn với tính mạng của mình. Khi có triệu chứng là trong cơ thể thì tâm lý chung của mọi người là sẵn sàng trả mọi giá có thể để chữa khỏi.

+ Thu nhập của người sử dụng dịch vụ tác động trực tiếp đến nhu cầu.

VD: với 1 người có thu nhập trung bình thì họ chỉ sẵn sàng trả tiền để giải quyết căn bệnh của họ. Tuy nhiên, với những người giàu có thì việc bỏ ra thêm để trị dứt điểm cũng như thêm những liều thuốc bổ, các dịch vụ bổ sung đảm bảo hơn về sức khỏe...

+ Những thay đổi trong sở thích thị hiếu

+ Ít có dịch vụ thay thế. Vì y tế là một ngành nghề mang tính đặc thù cao -> việc cung cấp dịch vụ y tế phải tuân theo các quy định, quy tắc cũng như giấy phép. Điều này làm y tế ít có sản phẩm thay thế.

+ Hình thức tri trả y tế tương đối đặc biệt là bảo hiểm y tế

+ Chịu tác động của cung (bác sĩ, thiết bị y tế khác)

Chính vì những đặc điểm của cầu như thế nên việc sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế bị ảnh hưởng tiêu cực như: nhu cầu khám chữa bệnh không được đáp ứng đúng, người khám chữa có thể bị thất vọng do sự tác động theo ý chí chủ quan của người bác sĩ, Thiếu tính cạnh tranh, xuất hiện tình trạng độc quyền trong một số lĩnh vực y tế nhất định. Người bệnh không có nhiều quyền hạn trong việc tiêu dùng dịch vụ vì vậy thiếu sự tương tác, làm giảm chất lượng khám chữa. Giá cả không tuân theo quy luật cung cầu

CÂU 2. Phân tích những đặc điểm của cung với dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Những đặc điểm đó ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả vận hành thị trường dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Cho ví dụ.

* Đặc điểm : Mang tính chất độc quyền

- **Bác sĩ** có vai trò to lớn, quyết định các phương án chữa bệnh, người bệnh bị phụ thuộc nhiều. Việc này khác với các HH và dịch vụ khác, khi mà người tiêu dùng không có nhiều lựa chọn, lựa chọn phụ thuộc vào bác sĩ và bệnh viện- bên cung cấp dịch vụ

- Độc quyền: ‘trách nhiệm bác sĩ cao

‘ Nếu thị trường hóa, bác sĩ có thể lạm dụng khám chữa bệnh để tăng giá

‘ Thời gian đào tạo bác sĩ dài, chi phí tốn kém

- Cung trong ngắn hạn co giãn ít với mức giá (do thời gian đào tạo bác sĩ lâu, tốn kém).

- Cung trong dài hạn co giãn nhiều với mức giá (bằng việc mở rộng bệnh viện, đào tạo thêm nhiều bác sĩ

- **Thuốc**: Có tính độc quyền cao (do phải bán theo đơn, có sự bảo quản đặc biệt, bán thuốc cần có giấy phép, kiểm tra

+ Thị trường thuốc (thuốc tây) bị chi phối bởi các hãng dược phẩm lớn. Đặc biệt là các thuốc đặc trị, chi phí cao, nguồn cung hạn chế và người có nhu cầu khó có khả năng tiếp cận

+ Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ lớn

Bệnh viện, Cơ sở khám chữa bệnh:

- Đường cung ngắn hạn của các dịch vụ bệnh viện bao gồm số lượng các dịch vụ bệnh viện sẽ đc cung cấp ở các mức giá khác nhau với số bệnh viện, trang thiết bị, công nghệ và giá đầu vào của dịch vụ bệnh viện là không đổi. Đường cung dài hạn khác với đường cung ngắn hạn ở chỗ đầu tư bệnh viện (tiện nghi và trang thiết bị) về lâu dài có thể khác đi. Những thay đổi trong đầu tư vào bệnh viện, công nghệ và giá của đầu vào gây ra sự dịch chuyển trong đường cung ngắn hạn

- Đường cung ngắn hạn có xu hướng nghiêng lên trên, biểu thị những số lượng lớn hơn (chi phí cho từng đơn vị lớn hơn do nguyên tắc thu cận biên giảm – tức là với số lượng đầu vào nhất định cơ sở và trang thiết bị, mức tăng trong các đầu vào khác nhau (bác sĩ, y tá,...) dẫn đến mức tăng giảm dần ở đầu ra) để cung ứng với giá cao hơn cho người bệnh. Phí dịch vụ bệnh viện tăng nếu quy mô bệnh viện tăng
- Các nhân tố tác động đến cung các dịch vụ bệnh viện: * Đầu tư làm tăng khả năng của bệnh viện trong việc cung cấp dịch vụ/* Công nghệ làm tăng số lượng, chất lượng các dịch vụ y tế- một số lượng lớn hơn các dịch vụ giống nhau có thể được cung cấp với giá thấp hơn hoặc có các dịch vụ mới tốt hơn với giá cao hơn/* Tiền công và các chi phí khác

Ảnh hưởng của các đặc điểm:

- Các bệnh viện không cạnh tranh về giá mà thay vào đó cạnh tranh bác sĩ và các trang thiết bị hiện đại nhất
- Cung cấp dịch vụ y tế chưa đáp ứng kịp thời sự tăng của cầu (chậm do cung không tăng ngay trong ngắn hạn, cần có thời gian để xây dựng bệnh viện mới, đào tạo bác sĩ, y tá, cán bộ y tế)
- Nguồn lực trong lĩnh vực y tế bị hạn chế vì đòi hỏi quá trình và nguồn lực đầu vào (không thể đầu tư tự do) . Để cung cấp được dịch vụ y tế đòi hỏi phải có giấy phép hành nghề, giấy phép về dược.

CÂU 3, Phân tích những khó khăn, bất cập của người dân khi sử dụng BHYT bắt buộc. Liên hệ Việt Nam

- Tâm lý lạm dụng của bác sĩ và bệnh nhân : người bệnh do không phải trả toàn bộ chi phí cho việc thăm khám của mình nên sẽ tiêu dùng các dịch vụ y tế nhiều hơn, đôi khi là hơn mức cần thiết của họ, lạm dụng sử dụng sai lệch dịch vụ của bệnh viện. Liên hệ VN: Quá tải khi khám chữa bệnh, xin thuốc,.. → gây lãng phí cho quỹ bảo hiểm y tế cũng như những người nộp BHYT. Lạm dụng thứ hai là bác sĩ và bệnh nhân có thể móc ngoặc với nhau để kê không đơn thuốc hoặc bệnh tật khiến bảo hiểm y tế phải chi trả nhiều hơn thực tế để trục lợi cho bản thân

- Sự lựa chọn nghịch chiều vì lợi ích của mình: BHYT chỉ lựa chọn những đối tượng nhất định để tham gia, họ không hướng tới đối tượng già yếu và bệnh tật (có quy định đối tượng không được mua) nhằm hạn chế chi tiêu, hạn chế giảm sút quỹ BHYT. Ngược lại những người già yếu có nguy cơ bị bệnh nhiều hơn sẽ tự nguyện tham gia BHYT. Điều đó sẽ gây sự lựa chọn ngược giữa hai bên cung và cầu BHYT. Thứ hai, hiện tượng “hót váng sữa” kiểu một người sắp phải nhập viện thì sẽ chủ động đi mua BHYT, còn nếu bên BHYT biết được nguy cơ mắc bệnh của người đó thì sẽ nâng mức phí BHYT
- Khó đạt được độ bao phủ cuối cùng tức là không phải đối tượng nào trong xã hội cũng sẽ có BHYT. Không phải tất cả mọi người sẽ tham gia mặc dù nhà nước có trợ cấp song không phải ai cũng có.
- Những nhà cung cấp các dịch vụ y tế muốn đáp ứng nhu cầu của những người không nằm trong BHYT bắt buộc, và đối với họ đây là cách làm có nhiều lợi nhuận hơn. Liên hệ VN
- Ngoài ra ở Việt Nam còn có những hạn chế như thủ tục rắc rối, chỉ được khám bệnh ghi trên thẻ, BHYT chỉ trả một phần chi phí ít đối với các ca bệnh nghiêm trọng ở các tuyến trên.

Liên hệ VN

Trung bình mỗi tháng DN ký hợp đồng lao động với khoảng 100 - 200 lao động mới và phải làm thủ tục đóng BHYT. Trong đó, đối với những lao động đã tham gia BHYT tự nguyện theo hộ gia đình trước đây, cơ quan bảo hiểm yêu cầu phải về địa phương đã tham gia BHYT tự nguyện cắt danh sách thì mới cấp thẻ mới tại nơi làm việc. Tuy nhiên, khi về địa phương nơi tham gia BHYT hộ gia đình xin cắt danh sách thì được yêu cầu phải có thẻ BHYT bắt buộc tại nơi làm việc mới được cắt. sau khi đến phường cắt BHYT hộ gia đình thì tại phường không chấp nhận hợp đồng lao động của người lao động mà yêu cầu người lao động phải có thẻ BHYT bắt buộc tại cơ quan BHYT thì mới chấp nhận cắt BHYT hộ gia đình. Lúc người lao động quay về BHXH thì nhận câu trả lời phải cắt BHYT hộ gia đình thì mới in.

Việc cấp thẻ BHYT bắt buộc cho người lao động bị kéo dài, trong khi tiền tham gia BHYT vẫn đóng bình thường.

CÂU 4. Phân tích những lợi ích của người dân khi sử dụng BHYT bắt buộc. Liên hệ Việt Nam

BHYT bắt buộc: Là hình thức bảo hiểm để chăm sóc sức khỏe cho người dân không vì mục đích lợi nhuận, do nhà nước tổ chức thực hiện và các đối tượng có trách nhiệm tham gia theo quy định của pháp luật, để bảo vệ sức khỏe cho mỗi người khi chẳng may đau ốm, tai nạn nhằm đảm bảo an sinh xã hội

***Lợi ích:**

- Đảm bảo công bằng, chia sẻ rủi ro giữa người giàu- người nghèo; người ốm- người khỏe.

Do khi tham gia BHYT bắt buộc nghĩa là người dân đc chăm sóc như nhau bất kể là ai (khi có thẻ BHYT). Chương trình BHYT sẽ chuyển toàn bộ gánh nặng tài chính của chi phí chăm sóc sức khỏe sang chi phí nhà nước, phân chia lại thu nhập từ người nộp thuế sang người sử dụng dịch vụ y tế. BHYT mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc về sự chia sẻ, cứu mang hữu hiệu nhất giữa người giàu với người nghèo, vùng giàu với vùng nghèo; người khỏe mạnh với người ốm đau, bệnh tật; người trong độ tuổi lao động với trẻ em, người già. Ngoài ra còn tạo công bằng trong đãi ngộ đối với cán bộ Y tế.

- Tăng khả năng tiếp cận với các dịch vụ y tế của nhóm người nghèo, yếu thế, đối tượng chính sách (có chính sách hỗ trợ, giảm chi phí). BHYT chi trả phần lớn chi phí khám bệnh, thuốc men, xét nghiệm,.. giúp người nghèo tiết kiệm chi phí cho gia đình
- BHYT là phương pháp dành dụm từ lúc trẻ khỏe, đang sung sức lao động, kiếm ra của cải để đến lúc về già, lúc ốm yếu có tiền mà vượt qua khó khăn... Đây là một giải pháp ưu việt trong một hệ thống CSSK công bằng.
- Người tham gia BHYT đc lựa chọn một cơ sở y tế thuận lợi gần nơi công tác hoặc nơi cư trú theo hướng dẫn của cơ quan bảo hiểm xã hội để đăng kí khám bệnh.
- Tăng tính đoàn kết dân tộc
- Tăng nguồn tài chính cho ngành y tế

Liên hệ VN

- * Bảo hiểm Y tế (BHYT) là hình thức bảo hiểm được áp dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện và các đối tượng có trách nhiệm phải tham gia theo quy định của Luật

BHYT. Đây là một chính sách xã hội do Nhà nước tổ chức thực hiện nhằm huy động sự đóng góp của cộng đồng, chia sẻ nguy cơ bệnh tật và giảm bớt gánh nặng tài chính của mỗi người khi ốm đau, bệnh tật, tạo nguồn tài chính hỗ trợ cho hoạt động y tế, thực hiện công bằng và nhân đạo trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. BHYT là một giải pháp nhằm tạo ra công bằng trong chăm sóc sức khỏe, góp phần giảm đói nghèo do chi phí cao khi sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Đồng thời thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nhằm hướng tới công bằng trong chăm sóc sức khỏe, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com